

Số: 198/QĐ-UBND

An Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu – chi ngân sách xã quý I năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã An Bình khóa XXII, kỳ họp thứ hai về việc phê duyệt dự toán và phân bổ ngân sách xã năm 2022;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Thu - Chi ngân sách xã quý I năm 2022 của UBND xã An Bình.

(bao gồm các biểu kèm theo Quyết định này).

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ Quyết định có hiệu lực.
- Địa điểm công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã An Bình

Điều 2. Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã, Kế toán - Tài chính xã căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VP UBND xã.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 199/BC-UBND

An Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2022

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND xã An Bình báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã quý I năm 2022 như sau:

1. Thu ngân sách:

Tổng thu cân đối ngân sách xã quý I năm 2022 là: 1.984.823.140 đồng, đạt 17,19 % dự toán giao.

(Có biểu số 114/CKTC-NSNN kèm theo)

2. Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách xã quý I năm 2022 là: 1.626.627.800 đồng, bằng 14,09 % kế hoạch giao, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 610.623.000 đồng, bằng 9,46 % dự toán giao.
- Chi thường xuyên: 1.016.004.800 đồng, bằng 19,96 % dự toán giao

(Có biểu số 115/CKTC-NSNN kèm theo).

Trên đây là báo cáo khái quát tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý I năm 2022 của UBND xã An Bình./.

Nơi nhận:

- Phòng TC- KH huyện NS,
- Lưu VP UBND xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Xuân
Nguyễn Đăng Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN BÌNH**

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 198/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của UBND xã An Bình)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước Thực hiện quý I	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	Tổng số thu	11.546.694,020	1.984.823,140	17,19
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	90.000	35.343	39,27
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.348.000,000	137.586,120	4,11
3	Thu bổ sung	7.036.800	740.000	10,52
	- Bổ sung cân đối	2.792.200	460.000	16,47
	- Bổ sung cân đối có gắn mã CTMT			
	- Bổ sung có mục tiêu	4.244.600	280.000	6,60
4	Thu chuyển nguồn	1.071.894,020	1.071.894,020	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	
II	Tổng số chi	11.546.694,020	1.626.627,800	14,09
1	Chi đầu tư phát triển	6.136.707,000	610.623,000	9,95
2	Chi thường xuyên	4.728.516,000	1.016.004,800	21,49
3	Chi dự phòng	681.471,020	-	-

An Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Thuy

Nguyễn Thị Thúy

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Xuân

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 198 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của UBND xã An Bình)

Đơn vị: 1.000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ I		SO SÁNH (%)	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
TỔNG THU						
Các khoản thu 100%	11.546.694,0	11.546.694,0	1.984.823,140	1.984.823,140	17,190	17,190
Phí, lệ phí	90.000,0	90.000,0	35.343,000	35.343,000	39,3	39,3
Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	35.000,0	35.000,0	11.255,0	11.255,0	32,2	32,2
Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	30.000,0	30.000,0	-	-	-	-
Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
Đóng góp của nhân dân theo quy định						
Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để XD các công trình						
Thu khác	25.000,0	25.000,0	24.000,0	24.000,0	0,4	0,4
Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	3.348.000,0	3.348.000,0	137.586,120	137.586,120	4,110	4,110
Các khoản thu phân chia	76.000,0	76.000,0	14.610,100	14.610,100	19,2	19,2
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	18.000,0	18.000,0	-	-	-	-
Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8.000,0	8.000,0	7.400,0	7.400,0	92,5	92,5
Lệ phí trước bạ nhà, đất	50.000,0	50.000,0	7.210,100	7.210,100	14,4	14,4
Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.272.000,0	3.272.000,0	122.976,020	122.976,020	3,758	3,758
Thu tiền sử dụng đất	3.200.000,0	3.200.000,0	100.104,500	100.104,500	3,1	3,1
Thuế giá trị gia tăng	48.000,0	48.000,0	3.440,000	3.440,000	7,167	7,167
Thuế thu nhập cá nhân	24.000,0	24.000,0	19.431,520	19.431,520	80,965	80,965
Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ I		SO SÁNH (%)	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Thu chuyển nguồn	1.071.894,0	1.071.894,0	1.071.894,020	1.071.894,020		
Thu kết dư ngân sách năm trước		-	-	-		
Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.036.800,0	7.036.800,0	740.000,0	740.000,0	10,5	10,5
Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.792.200,0	2.792.200,0	460.000,0	460.000,0	16,5	16,5
Thu bổ sung có mục tiêu	4.244.600,0	4.244.600,0	280.000,0	280.000,0	6,6	6,6

NGƯỜI LẬP

Thủy

Nguyễn Thị Thúy

An Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2022

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Xuân

Nguyễn Đăng Xuân



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 198/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của UBND xã An Bình)

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN QUÝ I			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐTPT	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	11.546.694,020	6.456.707,000	5.089.987,020	1.626.627,800	610.623,000	1.016.004,800	14,09	9,46	19,96
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi Giáo dục	3.043.284	3.026.084	17.200	720.000		720.000	0,02	-	4,19
2	Chi CT DQTV, TT ATXH	383.813		383.813	76.421,890		76.421,890	19,91		19,91
3	Chi y tế	17.200		17.200	-					
4	Chi văn hoá, thông tin	28.000		28.000	11.502,000		11.502,000	41,08		41,08
5	Chi phát thanh, truyền hình	54.345		54.345	7.286,100		7.286,100	13,41		13,41
6	Chi thể dục thể thao	28.000		28.000	11.820,000		11.820,000	42,21		42,21
7	Chi bảo vệ môi trường	28.600		28.600	-			-		-
8	Chi XD đời sống VH thôn, KDC	41.000		41.000	-			-		-
9	Chi các hoạt động kinh tế	2.548.900	2.500.000	48.900	-			-		-
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý									
10	Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.297.143	610.623	3.686.520	1.439.560,810	610.623,000	828.937,810	33,50	100,00	22,49
11	Chi công tác xã hội	394.938		394.938	79.317,000		79.317,000	20,08		20,08
12	Chi khác	-			-					
13	Dự phòng ngân sách	681.471	320.000	361.471				-	-	-

NGƯỜI LẬP

Thư

Nguyễn Thị Thúy

An Bình, ngày 05 tháng 04 năm 2022

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Xuân

Nguyễn Đăng Xuân